

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-33



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/10/2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Số: 339/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		202.058.419.118	187.967.074.010
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	51.255.615.711	101.635.804.040
111	1. Tiền		5.941.615.711	3.119.841.254
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.314.000.000	98.515.962.786
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	32.848.000.000	1.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		32.848.000.000	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.338.256.911	49.037.568.157
131	1. Phải thu của khách hàng		85.878.227.114	43.149.517.462
132	2. Trả trước cho người bán		299.461.500	3.955.656.490
135	5. Các khoản phải thu khác	5	302.232.738	2.584.115.631
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.141.664.441)	(651.721.426)
140	IV. Hàng tồn kho	6	31.709.805.160	34.847.857.889
141	1. Hàng tồn kho		31.709.805.160	34.847.857.889
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		906.741.336	1.445.843.924
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		184.334.719	102.344.897
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	223.144.027
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	722.406.617	1.120.355.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		252.118.651.890	319.131.390.950
220	II. Tài sản cố định		47.896.596.676	50.996.339.334
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	47.896.596.676	50.979.006.004
222	- Nguyên giá		110.501.434.941	104.436.303.840
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.604.838.265)	(53.457.297.836)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	17.333.330
228	- Nguyên giá		-	42.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(24.666.670)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	199.744.829.336	263.832.207.421
251	1. Đầu tư vào công ty con		19.902.634.227	49.670.012.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		179.842.195.109	214.162.195.109
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.477.225.878	4.302.844.195
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.477.225.878	4.302.844.195
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		454.177.071.008	507.098.464.960

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		67.709.514.941	177.716.314.059
310	I. Nợ ngắn hạn		65.709.514.941	177.716.314.059
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	14.866.800.000	61.732.700.000
312	2. Phải trả người bán		23.170.213.305	23.261.543.845
313	3. Người mua trả tiền trước		153.754.801	3.777.700.261
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.453.033.140	4.184.636.787
315	5. Phải trả người lao động		9.691.511.473	1.803.320.540
316	6. Chi phí phải trả	13	635.011.900	324.090.542
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	880.332.120	75.955.497.201
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.526.611.959	5.003.803.146
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.332.246.243	1.673.021.737
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		2.000.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		386.467.556.067	329.382.150.901
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	385.552.691.049	328.221.683.677
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.595.945	2.510.470
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.100.042.131	1.100.042.131
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.200.000.000	800.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		62.239.465.573	6.319.131.076
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		914.865.018	1.160.467.224
432	1. Nguồn kinh phí		(205.065.303)	477.550.000
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		1.119.930.321	682.917.224
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		454.177.071.008	507.098.464.960

17
LỖN
JH HHH
NGH
A
DAN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.812.210.146	3.812.210.146
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		8.381,33	206,58


Cao Thị Xiêm
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014



5.
TY
HƯC
EM
15
TIEM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	382.119.684.733	322.551.496.651
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	738.043.118	1.658.866.193
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	381.381.641.615	320.892.630.458
11	4. Giá vốn hàng bán	19	313.161.551.155	269.820.402.663
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.220.090.460	51.072.227.795
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	47.265.753.102	38.709.574.335
22	7. Chi phí tài chính	21	2.812.640.356	4.972.511.012
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.723.640.808	4.878.335.700
24	8. Chi phí bán hàng	22	23.830.225.171	15.364.679.186
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	27.580.860.854	20.679.360.629
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.262.117.181	48.765.251.303
31	11. Thu nhập khác		1.552.831.940	1.222.005.664
32	12. Chi phí khác		178.013.924	473.425.000
40	13. Lợi nhuận khác		1.374.818.016	748.580.664
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.636.935.197	49.513.831.967
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	5.066.600.700	5.008.709.383
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>57.570.334.497</u>	<u>44.505.122.584</u>

Cao Thị Xiêm
Người lậpNguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		376.783.549.661	372.257.171.344
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(328.311.251.835)	(285.758.552.339)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.933.605.257)	(27.804.536.175)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(2.618.059.450)	(7.215.829.767)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.379.171.171)	(4.830.264.632)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.694.096.930	12.320.071.224
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)		(62.246.935.277)	(31.917.746.754)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(45.011.376.399)</i>	<i>27.050.312.901</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(804.000.000)	(3.741.079.448)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		31.818.182	97.879.266
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(52.848.000.000)	(1.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21.000.000.000	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.265.121.600	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		83.586.794.821	59.912.464.993
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>78.231.734.603</i>	<i>55.269.264.811</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.589.412.600)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		19.739.200.000	34.183.300.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(66.605.100.000)	(12.057.800.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.141.860.000)	(44.858.140.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(83.597.172.600)</i>	<i>(22.732.640.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>(50.376.814.396)</i>	<i>59.586.937.712</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

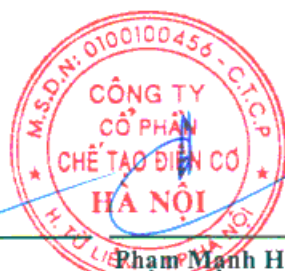
(Theo phương pháp trực tiếp)

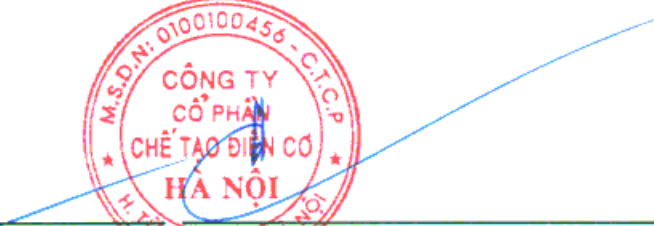
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		101.635.804.040	42.050.088.446
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.373.933)	(1.222.118)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>51.255.615.711</u>	<u>101.635.804.040</u>

(*) Trong tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh, tiền chi trả về cổ phần hóa là 35.208.570.992 đồng.


Cao Thị Xiêm
Người lập


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng




Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

CHỖ
CHỮ
KÝ
CHỮ
HỌ
TÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03/07/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ
CƠ QUAN QUẢN LÝ

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn từ 1 đến 2 năm.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CHỖ
TRÁCH NH
HÀNG K
A
HOÀN KẾ

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	94.253.947	427.951.805
Tiền gửi ngân hàng	5.847.361.764	2.691.889.449
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	45.314.000.000	98.515.962.786
	51.255.615.711	101.635.804.040

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	22.848.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương vay	10.000.000.000	-
Cho Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội vay	-	1.000.000.000
	32.848.000.000	1.000.000.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.820.464.000
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	176.095.083	501.643.335
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	10.034.355	10.425.496
Phải thu khác	116.103.300	251.582.800
	302.232.738	2.584.115.631

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	665.834.033	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.027.234.599	8.699.685.744
Công cụ, dụng cụ	415.242.911	407.400.410
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.118.251.168	1.858.918.828
Thành phẩm	19.508.003.158	22.530.867.260
Hàng hoá	975.239.291	1.350.985.647
	31.709.805.160	34.847.857.889

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	718.138.000	1.120.355.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.268.617	-
	722.406.617	1.120.355.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	38.313.790.367	53.794.887.262	10.440.782.538	1.886.843.673	-	104.436.303.840
Mua sắm	-	804.000.000	-	-	-	804.000.000
Tăng do sáp nhập công ty con	2.463.999.127	2.992.972.620	1.395.389.606	-	-	6.852.361.353
Thanh lý, nhượng bán	-	(52.000.000)	-	(41.428.571)	-	(93.428.571)
Giảm khác (*)	(16.400.000)	(897.787.469)	(53.215.500)	(530.398.712)	-	(1.497.801.681)
Tại ngày 31/12/2013	40.761.389.494	56.642.072.413	11.782.956.644	1.315.016.390	-	110.501.434.941
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	15.773.911.501	30.482.697.726	5.925.053.419	1.275.635.190	-	53.457.297.836
Trích khấu hao	1.244.517.852	3.769.634.620	878.043.436	176.736.585	-	6.068.932.493
Tăng do sáp nhập công ty con	1.578.054.429	1.895.229.639	954.599.317	-	-	4.427.883.385
Thanh lý, nhượng bán	-	(42.245.179)	-	(41.428.571)	-	(83.673.750)
Giảm khác (*)	(8.879.567)	(727.730.249)	(53.215.500)	(475.776.383)	-	(1.265.601.699)
Tại ngày 31/12/2013	18.587.604.215	35.377.586.557	7.704.480.672	935.166.821	-	62.604.838.265
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	22.539.878.866	23.312.189.536	4.515.729.119	611.208.483	-	50.979.006.004
Tại ngày 31/12/2013	22.173.785.279	21.264.485.856	4.078.475.972	379.849.569	-	47.896.596.676

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.482.012.481 đồng

(*) Giảm khác là các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	19.902.634.227	49.670.012.312
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	10.277.743.006	10.277.743.006
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	9.624.891.221	9.624.891.221
Công ty Cổ phần Chế tạo bơm Hải Dương ⁽¹⁾	-	27.123.525.000
Công ty Cổ phần Cơ Điện Hà Nội ⁽²⁾	-	2.643.853.085
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	179.842.195.109	214.162.195.109
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ⁽³⁾	179.842.195.109	214.162.195.109
	199.744.829.336	263.832.207.421

(1): Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương cho Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam theo hợp đồng số 01/2013/HDKT/TBDVN-HEM ngày 27/05/2013.

(2): Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 03 năm 2013. Thông tin chi tiết xem tại thuyết minh số 15.

(3): Trong kỳ, giá trị đầu tư vào Công ty TNHH S.A.S CTAMAD giảm do Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận được chia từ trước thời điểm cổ phần hóa, số tiền 34.320.000.000 đồng.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70,02%	70,02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51,35%	51,35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	4.302.844.195	4.875.317.840
Tăng trong năm	1.712.390.577	826.394.436
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.538.008.894)	(1.398.868.081)
Tại ngày cuối năm	4.477.225.878	4.302.844.195
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	2.867.488.542	3.431.584.638
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	917.593.911	829.306.973
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ, chi phí trả trước dài hạn khác	692.143.425	41.952.584
	4.477.225.878	4.302.844.195

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	14.866.800.000	61.732.700.000
Vay ngân hàng	3.500.000.000	-
Vay tổ chức	900.000.000	50.678.200.000
Vay cá nhân	10.466.800.000	11.054.500.000
	14.866.800.000	61.732.700.000
Chi tiết vay ngắn hạn		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn ⁽¹⁾	3.500.000.000	-
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽²⁾	900.000.000	800.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	31.072.200.000
Công đoàn Trường Cao Đẳng Công nghệ Hà Nội	-	100.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	-	18.706.000.000
Cán bộ công nhân viên ⁽³⁾	10.466.800.000	11.054.500.000
	14.866.800.000	61.732.700.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 50/2013/HĐTD-CN/SHB.TNHN-CD ngày 31/12/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 3.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn lưu động thiếu hụt tạm thời;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 7 ngày kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: 9,1%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: cầm cố bằng giấy tờ có giá là hợp đồng tiền gửi số 235VND-TV/SHB ngày 07/12/2013 với giá trị theo mệnh giá là 4.025.000.000 đồng.

(2) Bao gồm 2 hợp đồng vay vốn sau:

2.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HĐVV/TCKT ngày 06/02/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 300.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 100.000.000 đồng.

2.2 Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HĐVV/TCKT ngày 03/01/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 7% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 800.000.000 đồng.

(3) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	2.603.716.921	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.786.042.019	2.079.461.781
Thuế Thu nhập cá nhân	63.274.200	99.178.106
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	2.005.996.900
	<u><u>4.453.033.140</u></u>	<u><u>4.184.636.787</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	163.340.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	380.785.400	275.204.042
Chi phí phải trả khác	90.886.500	48.886.500
	635.011.900	324.090.542

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	76.990.133	60.000.000
Bảo hiểm xã hội	8.892.987	826.694
Phải trả về cổ phần hoá	-	35.208.570.992
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	35.141.860.000
Thưởng cuối năm 2012	-	5.261.622.800
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	95.000.000	29.500.000
Thu tiền đề tài Bơm làm mát 150 m3	671.500.000	230.800.000
Phải trả, phải nộp khác	27.949.000	22.316.715
	880.332.120	75.955.497.201

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối doái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012								
Tại ngày 01/01/2012	320.000.000.000	2.510.470	-	1.222.118	100.042.131	450.000.000	44.414.008.492	364.967.783.211
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	44.505.122.584	44.505.122.584
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.000.000.000	350.000.000	(41.000.000.000)	(39.650.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	-	(41.600.000.000)	(41.600.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.222.118)	-	-	-	(1.222.118)
Tại ngày 31/12/2012	320.000.000.000	2.510.470	-	-	1.100.042.131	800.000.000	6.319.131.076	328.221.683.677
Năm 2013								
Tại ngày 01/01/2013	320.000.000.000	2.510.470	-	-	1.100.042.131	800.000.000	6.319.131.076	328.221.683.677
Tăng vốn ⁽¹⁾	2.450.000.000	150.085.475	-	-	-	-	-	2.600.085.475
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	57.570.334.497	57.570.334.497
Phân phối lợi nhuận ⁽²⁾	-	-	-	-	-	400.000.000	(1.650.000.000)	(1.250.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ ⁽³⁾	-	-	(1.589.412.600)	-	-	-	-	(1.589.412.600)
Tại ngày 31/12/2013	322.450.000.000	152.595.945	(1.589.412.600)	-	1.100.042.131	1.200.000.000	62.239.465.573	385.552.691.049

(1): Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 03 năm 2013, Công ty thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội theo phương thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu cho các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội theo tỉ lệ 1:1. Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 245.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, ngày bắt đầu phát hành cổ phiếu 08/06/2013, ngày kết thúc chuyển giao cổ phiếu 08/07/2013.

(2): Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 26 tháng 03 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	44.505.122.584
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,90%	400.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,25%	1.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,56%	250.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 13% vốn điều lệ) ^(*)	93,47%	41.600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	2,82%	1.255.122.584

(*) : Cổ tức đã được tạm ứng năm 2012 theo Nghị quyết số 43/2012/NQ-HĐQT ngày 03/12/2012 của Hội đồng Quản trị, tỷ lệ tạm ứng cổ tức năm 2012 là 13%, ngày chốt danh sách tạm ứng cổ tức là ngày 15/12/2012.

(3): Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 37/2013/NQ-HĐQT ngày 05/09/2013 và Nghị quyết số 40/2013/NQ-HĐQT ngày 04/10/2013, Công ty dự kiến mua lại 3.000.000 cổ phiếu phổ thông làm cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua tính đến thời điểm 31/12/2013 là 155.630 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	81,34%	262.287.500.000	81,48%	260.722.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	18,66%	60.162.500.000	18,52%	59.278.000.000
	100%	322.450.000.000	100%	320.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	320.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	320.000.000.000	320.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	2.450.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	322.450.000.000	320.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	41.600.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	41.600.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.245.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	-
- Cổ phiếu phổ thông	155.630	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	32.089.370	32.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.100.042.131	1.100.042.131
Quỹ dự phòng tài chính	1.200.000.000	800.000.000
	2.300.042.131	1.900.042.131

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán thành phẩm	230.310.966.556	182.496.205.633
Doanh thu bán hàng hóa	113.203.691.849	106.935.540.923
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.605.026.328	33.119.750.095
	382.119.684.733	322.551.496.651

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	738.043.118	1.658.866.193
	738.043.118	1.658.866.193

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	229.603.413.838	181.286.086.240
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	113.173.201.449	106.486.794.123
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	38.605.026.328	33.119.750.095
	381.381.641.615	320.892.630.458

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	173.619.244.329	145.021.543.295
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.199.216.294	100.880.005.757
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.343.090.532	23.918.853.611
	313.161.551.155	269.820.402.663

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.494.782.569	8.725.415.108
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.626.000.000	29.963.499.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	20.660.227
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.373.933	-
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư	141.596.600	-
	47.265.753.102	38.709.574.335

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.723.640.808	4.878.335.700
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.836.744	94.175.312
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	68.162.804	-
	2.812.640.356	4.972.511.012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.151.024.911	869.928.760
Chi phí nhân công	945.930.149	1.889.488.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	209.033.820	111.978.040
Chi phí bảo hành/hoàn nhập chi phí bảo hành	4.613.580.730	(87.020.579)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.272.923.458	4.590.190.323
Chi phí khác bằng tiền	11.637.732.103	7.990.114.511
	23.830.225.171	15.364.679.186

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.430.730.324	1.216.895.219
Chi phí nhân công	10.948.099.722	9.810.981.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.073.818.399	1.157.941.889
Thuế, phí, lệ phí	2.353.727.240	31.958.906
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	489.943.015	(2.068.125.131)
Trích lập Quỹ khoa học công nghệ	2.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.783.856.365	2.151.362.476
Chi phí khác bằng tiền	6.500.685.789	8.378.345.871
	27.580.860.854	20.679.360.629

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.636.935.197	49.513.831.967
Các khoản điều chỉnh tăng	255.467.603	484.504.565
- Chi phí không hợp lệ	255.467.603	484.504.565
Các khoản điều chỉnh giảm	(42.626.000.000)	(29.963.499.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(42.626.000.000)	(29.963.499.000)
Tổng thu nhập tính thuế	20.266.402.800	20.034.837.532
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	5.066.600.700	5.008.709.383
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.066.600.700	5.008.709.383
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.079.461.781	1.901.017.030
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nhận từ Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội sau khi sáp nhập	19.150.709	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.379.171.171)	(4.830.264.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.786.042.019	2.079.461.781

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.508.143.778	151.520.817.870
Chi phí nhân công	38.807.118.668	33.545.113.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.882.180.427	5.540.826.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.030.835.986	9.534.120.250
Chi phí khác bằng tiền	32.145.142.028	17.286.654.866
	254.373.420.886	217.427.532.699

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.255.615.711	-	101.635.804.040
Phải thu khách hàng, phải thu khác	86.180.459.852	(1.141.664.441)	45.733.633.093
Đầu tư ngắn hạn	32.848.000.000	-	1.000.000.000
	170.284.075.563	(1.141.664.441)	148.369.437.133

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		14.866.800.000	61.732.700.000
Phải trả người bán, phải trả khác		24.050.545.425	99.217.041.046
Chi phí phải trả		635.011.900	324.090.542
		39.552.357.325	161.273.831.588

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.255.615.711	-	-	51.255.615.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.038.795.411	-	-	85.038.795.411
Đầu tư ngắn hạn	32.848.000.000	-	-	32.848.000.000
	169.142.411.122	-	-	169.142.411.122
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.635.804.040	-	-	101.635.804.040
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.081.911.667	-	-	45.081.911.667
Đầu tư ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
	147.717.715.707	-	-	147.717.715.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	14.866.800.000	-	-	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	24.050.545.425	-	-	24.050.545.425
Chi phí phải trả	635.011.900	-	-	635.011.900
	39.552.357.325	-	-	39.552.357.325
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	61.732.700.000	-	-	61.732.700.000
Phải trả người bán, phải trả khác	99.217.041.046	-	-	99.217.041.046
Chi phí phải trả	324.090.542	-	-	324.090.542
	161.273.831.588	-	-	161.273.831.588

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

28 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	229.603.413.838	113.173.201.449	38.605.026.328	381.381.641.615	-	381.381.641.615
Chi phí bộ phận trực tiếp	173.619.244.329	110.199.216.294	29.343.090.532	313.161.551.155	-	313.161.551.155
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.984.169.509	2.973.985.155	9.261.935.796	68.220.090.460	-	68.220.090.460
Tài sản bộ phận trực tiếp	164.655.031.238	67.190.292.111	22.586.918.323	254.432.241.672	-	254.432.241.672
Tài sản không phân bổ	-	-	-	199.744.829.336	-	199.744.829.336
Tổng tài sản	164.655.031.238	67.190.292.111	22.586.918.323	454.177.071.008	-	454.177.071.008
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	38.155.054.321	18.806.905.249	6.415.309.128	63.377.268.698	-	63.377.268.698
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.332.246.243	-	4.332.246.243
Tổng nợ phải trả	38.155.054.321	18.806.905.249	6.415.309.128	67.709.514.941	-	67.709.514.941

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, khác			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	16.311.122.853	24.136.295.517
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	16.943.096.118	11.825.235.280
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	26.383.932.719	30.832.849.433
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	180.000.000	180.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	30.898.879.500	531.176.012
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	(*)	2.405.139.440	41.184.260
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	10.085.677.600	3.647.572.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	7.973.249.440	26.874.596.049
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	10.156.121.781	9.866.187.700
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	9.345.516.888	2.980.685.117
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	10.551.290.409	13.110.875.510
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	16.100.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện I	(*)	774.672.372	303.061.300
Lãi cho vay phát sinh trong kỳ			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	735.616.500	-
Vay vốn trong kỳ			
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	-	589.000.000
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	31.072.200.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	-	18.106.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.631.728.250	9.201.354.676
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	-	48.301.500
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	2.002.510.400
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	-	3.049.388.600
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	-	1.900.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	42.626.000.000	23.011.600.000

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đều là Công ty con của Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	Công ty con	7.452.952.196	3.216.375.364
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	5.404.233.839	15.154.481.246
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Công ty con	49.500.000	148.500.000
Công ty CP Thiết bị điện	(*)	8.481.615.010	-
Phải thu tiền cho vay			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	10.000.000.000	-
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	1.820.464.000
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	999.230.751	7.538.050.456
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	(*)	1.252.294.149	37.634.514
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	(*)	-	76.167.000
Công ty CP Khí cụ điện I	(*)	1.507.083	254.786.620
Phải trả khác			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	69.102.430.992

(*) Các công ty này và Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đều là Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.873.400.000	1.892.035.700

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.


Cao Thị Xiêm
 Người lập


Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng


Phạm Mạnh Hà
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014